

Bảng Điểm



Họ và tên SV **Nguyễn Thị Thu Tâm**
Mã số SV **9571065**
Ngày sinh **21/10/76**
Nơi sinh **Tp Hồ Chí Minh**
Ngành **Sử Phạm (AV)**
Hệ **Chính Quy**
Số bằng tốt nghiệp :

STT	Mã MH	Tên môn học	Số tiết	ĐVHT	Điểm
1	AV101	Đọc 1	60	4	8.4
2	AV102	Nghe 1	60	4	7.8
3	AV103	Viết 1	60	4	6.9
4	AV104	Nói 1	60	4	6.1
5	DC105	Triết Học	75	5	6.7
6	DP103	Tiếng Việt	60	4	7.5
7	AV201	Đọc 2	60	4	7.2
8	AV202	Nghe 2	60	4	4.0
9	AV203	Viết 2	60	4	6.4
10	AV204	Nói 2	60	4	7.0
11	DC101	Kinh Tế Chính Trị	75	5	7.4
12	DP101	Cơ Sở Văn Hóa Việt Nam	60	4	4.0
13	DC107	Tâm Lý Đại Cương	45	3	5.5
14	DC108	Môi Trường Và Con Người	45	3	7.0
15	NN2AV	Ngoại Ngữ 2	105	7	7.0
16	AV401	Đọc 3	60	4	6.5
17	AV402	Nghe 3	60	4	4.3
18	AV403	Viết 3	60	4	8.0
19	AV404	Nói 3	60	4	5.6
20	DC103	Giáo Dục Quốc Phòng	60	4	7.0
21	DC104	Tin Học Đại Cương	60	4	7.0
22	DC106	Giáo Dục Thể Chất 1	45	3	6.0
23	AV501	Nghe Tiên Cao Cấp	60	4	5.0
24	AV502	Đọc Cao Cấp	60	4	4.5
25	AV503	Nói Cao Cấp	60	4	5.0
26	AV504	Viết Tiên Cao Cấp	60	4	5.0
27	AV505	Ngữ Âm Học	45	3	8.0
28	AV506	Âm Vị Học	45	3	7.5
29	AV601	Nghe Cao Cấp	60	4	7.0
30	AV602	Viết Cao Cấp. I	60	4	5.5
31	AV603	Văn Minh Anh	45	3	5.5
32	AV605	Nói Trước Công Chúng I	60	4	4.0
33	AV610	Củ Pháp Học	60	4	4.0
34	AV611	Hình Thái Học	45	3	6.5
35	GD202	Lịch Sử Đảng CSVN	60	4	5.0
36	AV606	Dịch Viết I	60	4	5.0
37	AV701	Viết Cao Cấp 2	30	2	5.0

Bảng Điểm

Họ và tên SV **Nguyễn Thị Thu Tâm**
Mã số SV **9571065**

STT	Mã MH	Tên môn học	Số tiết	ĐVHT	Điểm
38	AV702	Văn Học Anh	60	4	5.5
39	AV703	Ngữ Nghĩa Học	45	3	8.0
40	AV708	Văn Minh Mỹ	45	3	7.5
41	DC114	Tin học văn phòng	60	4	7.5
42	GD201	Chủ Nghĩa Xã Hội Kh. Học	60	4	6.0
43	GD203	Luật Nhà Nước	45	3	6.0
44	AV002	Dịch Viết 2	60	4	5.0
45	AV061	Quản trị học	60	4	9.0
46	AV706	Quan hệ quốc tế & lễ tân	60	4	5.5
47	AV715	Văn học Mỹ	60	4	4.0
48	SA711	Giáo pháp học 1	60	4	6.0
49	SA712	Giáo dục học	60	4	7.0
50	AV003	Dịch Viết 3	60	4	6.5
51	GD204	Dẫn luận ngôn ngữ	60	4	7.0
52	NNAV1	Thi tốt nghiệp (môn CS)	75	5	6.0
53	NNSA1	Thi tốt nghiệp (môn CN)	75	5	5.5
54	SA811	Giáo học pháp 2	60	4	6.5
55	SA812	Thực tập giảng dạy	30	2	7.0
56	SA814	Dịch nói (SA)	45	3	6.0

Số đơn vị học trình tích lũy **216**

Điểm trung bình tích lũy **6.20**

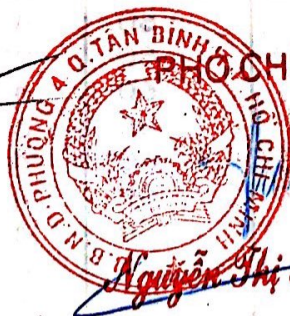
Ghi chú: Bảng điểm này chỉ cấp một lần đúng với bản chính

Số chứng thực: 7.6.9.5 quyền số 0

Tại UBND Phường 4, Ngày 05 tháng 11 năm 2018

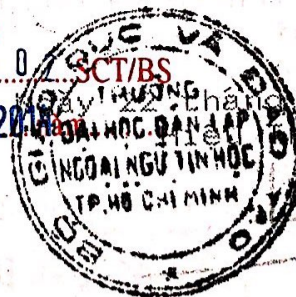
Trưởng Khoa

Nguyễn Thị Minh Thủy



PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Minh Thủy



HUỶNH THẾ CUỘC

09 năm 1999